

Số: 110/QĐ-UBND

Than Uyên, ngày 11 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi bổ sung đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng thực hiện dự án: Trần liên hợp + Đường nội đồng bản phường, bản Nà Mã - bản Nà Ban xã Hua Nà, huyện Than Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc thi hành Luật đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trần liên hợp + đường nội đồng bản phường - bản Nà Mã - Nà Ban, xã Hua Nà, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Căn cứ Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 của UBND tỉnh Lai Châu V/v phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của các huyện Than Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, và Mường Tè tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu về việc ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, TĐC công trình: Trần liên hợp + Đường nội đồng bản Phường - bản Nà Mã - bản Nà Ban, xã Hua Nà, huyện Than Uyên;

Căn cứ Thông báo số 1500/TB-UBND ngày 14/12/2018 của UBND huyện Than Uyên về việc thông báo thu hồi bổ sung đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi

ích quốc gia công cộng xây dựng công trình: Tràn liên hợp + đường nội đồng bản phường – bản Nà Mả - Nà Ban, xã Hua Nà, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu;

Xét đề nghị của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Than Uyên tại Tờ trình số 11/TTr-TNMT ngày 11 tháng 02 năm 2019;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi bổ sung đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng xây dựng công trình: Tràn liên hợp + đường nội đồng bản phường – bản Nà Mả - Nà Ban, xã Hua Nà, huyện Than Uyên, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích thu hồi: **30.183,0 m²**

a. Diện tích đất đã thu hồi tại Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 08/11/2018 của UBND huyện Than Uyên: **17.361,2 m²**

b. Diện tích thu hồi bổ sung: **12.821,8 m²**

Trong đó:

+ Đất ở đô thị: **15,3m²**

+ Đất ở nông thôn: **25,4m²**

+ Đất bằng trồng BHK **1.101,1 m²**

+ Đất nuôi trồng thủy sản **7,6m²**

+ Đất DSH **37,9m²**

+ Đất SON **440,3m²**

+ Đất DGT **11.194,2m²**

- Vị trí khu đất: xã Hua Nà, thị trấn Than Uyên, huyện Than Uyên.

(Có danh sách thu hồi đính kèm)

Điều 2: Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hua Nà, Chủ tịch UBND thị trấn có trách nhiệm phối hợp cùng Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Than Uyên trong việc bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao Quyết định này đến các hộ có đất nằm trong phạm vi GPMB; trường hợp các hộ có đất nằm trong phạm vi GPMB không nhận Quyết định hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản, niêm yết Quyết định tại trụ sở UBND xã Hua Nà, tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện chịu trách nhiệm toàn bộ số liệu đo đạc, kiểm đếm của các hộ gia đình, cá nhân có đất nằm trong phạm vi GPMB xây dựng công trình, chủ trì phối hợp với UBND xã Hua Nà, UBND thị trấn, chủ đầu tư thu các giấy tờ gốc liên quan (nếu có) đến quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân khi chi trả tiền bồi thường và chuyển cho Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất để chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc một

trong các giấy tờ quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (nếu có) đối với các hộ có đất nằm trong phạm vi GPMB.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Than Uyên có trách nhiệm thực hiện công tác GPMB theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014, các văn bản hướng dẫn thi hành và các Quyết định hiện hành của UBND tỉnh Lai Châu và quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi theo quy định.

4. Văn phòng HĐND & UBND huyện Than Uyên có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện Than Uyên; Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc ban quản lý dự án và đầu tư xây dựng; Chủ tịch UBND xã Hua Nà; Chủ tịch UBND thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (b/c);
- Thanh tra huyện;
- Như Điều 3;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Thế Mẫn

**DANH SÁCH TỔNG HỢP DIỆN TÍCH THU HỒI BỔ SUNG ĐẤT
ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÀ LỢI ÍCH QUỐC GIA CÔNG CỘNG**

Công trình: Trần liên hợp+Đường nội đồng bản Phường, bản Nà Mã, bản Nà Ban, xã Hua Nà, huyện Than Uyên
(Đính kèm Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 11/02/2019 của UBND huyện Than Uyên)


STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích thu hồi chia ra các loại đất (m ²)						
							Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Đất ở đô thị (ODT)	Đất ở nông thôn (ONT)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH)	Đất sông suối (SON)	Đất giao thông (DGT)
1	Hoàng Văn Ngời, Thèn Thị Liu	Bản Phường	1	27	ODT	19,2	3,9	15,3					
	Tổng				19,2	3,9	15,3	-	-	-	-	-	
2	UBND Xã quản lý		1	13	DSH	37,9					37,9		
			1	26	DGT	1 658,1						1 658,1	
	Tổng			1 696,0	-	-	-	-	37,9	-	1 658,1		
3	Lò Văn Chơm	Bản Pù Cáy	4	11	BHK	72,5	72,5						
	Tổng				72,5	72,5	-	-	-	-	-		
4	Lò Văn Đáy, Lương Thị Giảng	Bản Pù Cáy	4	16	BHK	62,0	62,0						
			4	19	BHK	23,0	23,0						
			4	36	BHK	3,9	3,9						
	Tổng			88,9	88,9	-	-	-	-	-			
5	Lò Văn Giót, Vi Thị Thiên	Bản Pù Cáy	5	21	BHK	60,2	60,2						
	Tổng				60,2	60,2	-	-	-	-	-		
6	Lò Văn Hiện, Vàng Thị Chơi	Bản Pù Cáy	4	10	NTS	7,6			7,6				
	Tổng				7,6	-	-	-	7,6	-	-		
7	Lò Văn Lê, Lò Thị Siu	Bản Pù Cáy	4	32	BHK	136,8	136,8						
	Tổng				136,8	136,8	-	-	-	-	-		
8	Lò Văn Liên, Vàng Thị Oai	Bản Pù Cáy	4	14	BHK	16,6	16,6						



STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích thu hồi chia ra các loại đất (m ²)						
							Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Đất ở đô thị (ODT)	Đất ở nông thôn (ONT)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH)	Đất sông suối (SON)	Đất giao thông (DGT)
	Tổng					16,6	16,6	-	-	-	-	-	-
9	Lò Văn Mạnh	Bản Pù Cây	4	15	BHK	62,0	62,0						
	Tổng					62,0	62,0	-	-	-	-	-	-
10	Lò Văn Pò, Vàng Thị Giai	Bản Pù Cây	4	35	BHK	12,0	12,0						
	Tổng					12,0	12,0	-	-	-	-	-	-
11	Lò Văn Seo, Lò Thị Kinh	Bản Pù Cây	4	38	BHK	134,9	134,9						
	Tổng					134,9	134,9	-	-	-	-	-	-
12	Lò Văn Thắng, Lim Thị Khuyến	Bản Pù Cây	4	39	BHK	42,3	42,3						
			4	40	ONT	25,4			25,4				
			5	20	BHK	38,2	38,2						
			Tổng				105,9	80,5	-	25,4	-	-	-
13	Lò Văn Bình, Hoàng Thị Thanh	Bản Pù Cây	4	37	BHK	58,6	58,6						
	Tổng					58,6	58,6	-	-	-	-	-	-
14	Vàng Văn Chôn, Nung Thị Phiếu	Bản Pù Cây	4	29	BHK	79,6	79,6						
			4	30	BHK	81,8	81,8						
			Tổng				161,4	161,4	-	-	-	-	-
15	Vàng Văn Hiền, Vàng Thị Hương	Bản Pù Cây	4	51	BHK	212,8	212,8						
	Tổng					212,8	212,8	-	-	-	-	-	-
			1	61	SON	348,9						348,9	
			1	75	DGT	450,8							450,8
			1	82	SON	73,1						73,1	
			1	102	DGT	327,0							327,0

STT	Tên chủ sử dụng, quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ ban đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích thu hồi chia ra các loại đất (m ²)						
							Đất bằng trồng cây hang nana khác (BHK)	Đất ở đô thị (ODT)	Đất ở nông thôn (ONT)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH)	Đất sông suối (SON)	Đất giao thông (ĐG.T)
16	UBND Xã quản lý		2	66	DGT	2.896,8							2.896,8
			3	27	DG1	1.870,9							1.870,9
			4	8	SON	11,5					11,5		
			4	28	DG1	2.163,5							2.163,5
			4	43	SON	6,8						6,8	
			4	61	DG1	180,7							180,7
			5	19	DG1	1.646,4							1.646,4
	Tổng				9.976,4	-	-	-	-	-	440,3	9.536,1	
	Tổng cộng				12.821,8	1.101,1	15,3	25,4	7,0	37,9	440,3	11.194,2	

Cán bộ thẩm định


Kiều Thị Uyên

